

Số: 58 /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật trang phục Viện kiểm sát nhân dân**

### **VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

*Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;*

*Căn cứ Nghị quyết số 522b/NQ-UBTVQH13 ngày 16/8/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát nhân dân và Giấy chức mệnh Kiểm sát viên; Nghị quyết số 973/2015/UBTVQH13 ngày 14/7/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 522b/NQ-UBTVQH13 ngày 16/8/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát và Giấy chứng mệnh Kiểm sát viên;*

*Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-VKSTC-V11 ngày 9/4/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc phê duyệt kết quả nghiên cứu xây dựng lễ phục, trang phục và cấp hiệu mới cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Kiểm sát nhân dân;*

*Căn cứ ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại các Báo cáo: Số 469/BC ngày 07/11/2013; số 336/BC-C3 ngày 29/7/2019 về kết quả tư vấn thiết kế giày da, dép quai hậu, thắt lưng, áo mưa, bút tất và cặp đựng tài liệu; số 195/BC-C3 ngày 09/4/2021 đề xuất đối với vải may trang phục ngành; số 196/BC-C3 ngày 09/4/2021 đề xuất đối với màu sắc cà vạt trang phục ngành;*

*Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật vải tại hồ sơ mời thầu gói thầu "Mua sắm vải may trang phục năm 2017, 2018";*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch – Tài chính tại Tờ trình số 35/TTr-C3 ngày 11/6/2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chuẩn kỹ thuật trang phục Viện kiểm sát nhân dân, gồm: Vải, gia công, giày da, dép quai hậu, thắt lưng, bút tất, áo mưa và cặp đựng tài liệu (*Chi tiết theo 03 Phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Kế hoạch – Tài chính, Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao 1, 2, 3, Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Nguyễn Duy Giảng*

**Nơi nhận** *Nguyễn Duy Giảng*

- Đ/c Viện trưởng VKSTC (để báo cáo);
- Các đ/c Phó Viện trưởng VKSTC;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử VKSTC;
- Lưu: VT, C3 (LĐC3, P<sub>TS&TP</sub>).T-120b.



**Nguyễn Duy Giảng**

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN****TỐI CAO****Phụ lục số 01****QUY ĐỊNH****Tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức vải may trang phục Viện kiểm sát nhân dân***(Kèm theo Quyết định số: 58./QĐ-VKSTC**ngày 11 / 6 / 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)***I. Tiêu chuẩn kỹ thuật****1. Trang phục thường dùng (Áo khoác chống rét, bộ thu đông, bộ xuân hè, cà vạt, áo sơ mi dài tay, mũ kê pi thường dùng)**

1.1. Vải may cho công chức, viên chức và người lao động: Gabadin pha len (Polyester/Wool 40/60) màu xanh đen khổ vải tối thiểu là 150 cm (+0 đến 3cm):

Stt	CHỈ TIÊU		PHƯƠNG PHÁP THỬ	YÊU CẦU	
1	Mật độ	Dọc (sợi/10 cm)	(TCVN1753:2008) TCVN1753 : 1986	320±10	
		Ngang (sợi /10cm)		250±10	
2	Độ bền	Dọc (N)	(TCVN1754:2008) TCVN1754:1986	≥ 530	
		Ngang (N)		≥ 410	
	Độ giãn	Dọc (%)		≥ 40	
		Ngang (%)		≥ 35	
3	Khối Lượng	Thực tế (g/m <sup>2</sup> )	TCVN 8042:2009	213±7	
4	Thành phần nguyên liệu (%)	Polyester	TCVN 5465 - 18 : 2009	40±3	
		Wool		60±3	
5	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Nm)	Sợi dọc	TCVN 5095 : 1990	60/2±3	
		Sợi ngang		60/2±3	
6	Thay đổi kích thước sau khi giặt ở 60°C	Dọc	TCVN 8041 : 2009	≤ 2,0	
		Ngang		≤ 1,0	
7	Độ bền màu ma sát	Khô	TCVN 4538 : 2007	Dọc	≥ 4
				Ngang	≥ 4
		Ướt		Dọc	≥ 3-4
				Ngang	≥ 3
8	Độ bền màu giặt xả phòng ở 60° C (cấp)	Phai màu	TCVN 7835-C10:2007	≥ 4	
		Dây màu		≥ 3-4	



*man*

9	Độ vón gút sau 7200 vòng quay	TCVN 7426-1:2004	$\geq 4$
10	Hàm lượng fomandehit (mg/kg)	TCVN 7421-1:2013	$\leq 75$
11	Xác định chất màu azo bị cấm (mg/kg)	TCVN 7619-1:2007 & TCVN 7619-2:2007 hoặc ISO 24362-1	K.p.h.t

1. 2. Vải may cho Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Vải Gabadin pha len (Polyester/Wool 30/70) màu xanh đen khổ vải tối thiểu là 150 cm (+0 đến 3cm):

Stt	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	YÊU CẦU		
1	Mật độ	Dọc (sợi/10 cm)	(TCVN1753:2008) TCVN1753 : 1986	320±10	
		Ngang (sợi /10cm)		250±7	
2	Độ bền	Dọc (N)	(TCVN1754:2008) TCVN1754:1986	$\geq 500$	
		Ngang (N)		$\geq 400$	
3	Khối Lượng	Thực tế (g/m <sup>2</sup> )	TCVN 8042:2009	213±7	
4	Thành phần nguyên liệu (%)	Polyester	TCVN 5465 - 18 : 2009	30±3	
		Wool		70±3	
5	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Nm)	Sợi dọc	TCVN 5095 : 1990	60/2±3	
		Sợi ngang		60/2±3	
6	Thay đổi kích thước sau khi giặt ở 60°C	Dọc	TCVN 8041 : 2009	$\leq 2,0$	
		Ngang		$\leq 1,0$	
7	Độ bền màu ma sát	Khô	TCVN 4538 : 2007	Dọc	$\geq 4$
				Ngang	$\geq 4$
		Ướt		Dọc	$\geq 3-4$
				Ngang	$\geq 3$
8	Độ bền màu giặt xà phòng ở 60° C (cấp)	Phai màu	TCVN 7835-C10:2007	$\geq 4$	
		Dây màu		$\geq 3-4$	
9	Độ vón gút sau 7200 vòng quay	TCVN 7426-1:2004	$\geq 4$		
10	Hàm lượng fomandehit (mg/kg)	TCVN 7421-1:2013	$\leq 75$		
11	Xác định chất màu azo bị cấm (mg/kg)	TCVN 7619-1:2007 & TCVN 7619-2:2007 hoặc ISO 24362-1	K.p.h.t		

1.3. Vải Polyester/visco (Pes/vi 65/35) màu xanh hoà bình sẫm khổ 1,50 m (+0 đến 3cm):

STT	CHỈ TIÊU		PHƯƠNG PHÁP THỬ	YÊU CẦU	
1	Mật độ	Dọc (sợi/10 cm)	(TCVN1753:2008) TCVN1753:1986	245±5	
		Ngang (sợi /10cm)		190±5	
2	Độ bền	Dọc (N)	(TCVN1754:2008) TCVN1754:1986	≥ 950	
		Ngang (N)		≥ 650	
	Độ giãn	Dọc (%)		≥ 30	
		Ngang (%)		≥ 28	
3	Khối lượng	Thực tế (g/m <sup>2</sup> )	TCVN 8042:2009	193±5	
4	Thành phần nguyên liệu (%)	Polyester	TCVN 5465-11: 2009	65 ±3	
		Visco		35 ±3	
5	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Nm)	Sợi dọc	TCVN 5095 : 1990	50/2±3	
		Sợi ngang		50/2±3	
6	Thay đổi kích thước sau giặt 60° C	Dọc	TCVN 8041: 2009	≤ 2,5	
		Ngang		≤ 1,5	
7	Độ bền màu ma sát	Khô	TCVN 4538 : 2007	Dọc	≥ 4
				Ngang	≥ 4
		Ướt		Dọc	≥ 4
				Ngang	≥ 4
8	Độ bền màu giặt xả phòng ở 60° C (cấp)	Phai màu	TCVN 7835-C10 : 2007	≥ 4	
		Dây màu		≥ 4	
9	Độ vón gút sau 7200 vòng quay		TCVN 7426-1:2004	≥ 4	
10	Hàm lượng fomandehit (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	≤ 75	
11	Xác định chất màu azo bị cấm (mg/kg)		TCVN 7619-1:2007 & TCVN 7619-2:2007 hoặc ISO 24362-1	K.p.h.t	

**2. Lễ phục (Bộ lễ phục mùa hè, Bộ lễ phục mùa đông, áo sơ mi dài tay, cà vạt, mũ kê pi lễ phục)**

2.1 Vải Gabadin pha len (Polyester/Wool 40/60) màu vàng tơ, khổ vải tối thiểu là 150 cm (+0 đến 3cm):

*Handwritten signature*

Stt	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	YÊU CẦU		
1	Mật độ	Dọc (sợi/10 cm)	TCVN 1753:1986	285±5	
		Ngang (sợi /10cm)		225±5	
2	Độ bền kéo đứt băng vải (N)	Dọc (N)	TCVN 1754:1986	≥ 700	
		Ngang (N)		≥ 550	
3	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Nm)	Sợi dọc	TCVN 5095 : 1990	42/2±3	
		Sợi ngang		42/2±3	
4	Khối Lượng	Thực tế (g/m <sup>2</sup> )	TCVN 8042:2009	265±5	
5	Thành phần nguyên liệu (%)	Polyester	TCVN 5465 - 18 : 2009	40±3	
		Wool		60±3	
6	Thay đổi kích thước sau giặt 60°C	Dọc (%)	TCVN 8041:2009	≤ 2,0	
		Ngang (%)		≤ 1,5	
7	Độ bền màu ma sát (cấp)	Khô	TCVN 4538 : 2007	Dọc	≥ 4
				Ngang	≥ 4
		Ướt		Dọc	≥ 3
				Ngang	≥ 3
8	Độ bền màu giặt xả phòng ở 60° C (cấp)	Phai màu	TCVN 7835-C10(3) :2007	≥ 4	
		Dây màu		≥ 4	
9	Độ vón gút sau 7200 vòng quay		TCVN 7426-1:2004	≥ 4	
10	Hàm lượng fomandehit (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	≤ 75	
11	Xác định chất màu azo bị cấm (mg/kg)		TCVN 7619-1:2007 & TCVN 7619-2:2007 hoặc ISO 24362-1	K.p.h.t	

2.2. Vải Gabadin Pêvi (Polyester/visco 65/35) màu vàng tơ, khổ vải tối thiểu là 150 cm (+0 đến 3cm):

Stt	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	YÊU CẦU	
1	Mật độ	Dọc (sợi/10 cm)	TCVN 1753:1986	355±5
		Ngang (sợi /10cm)		220± 5
2	Độ bền kéo đứt băng vải (N)	Dọc (N)	TCVN 1754:1986	≥ 1300
		Ngang (N)		≥ 800
3	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Nm)	Sợi dọc	TCVN 5095 : 1990	50/2±3
		Sợi ngang		50/2±3
4	Khối Lượng	Thực tế (g/m <sup>2</sup> )	TCVN 8042 : 2009	250± 5

5	Thành phần nguyên liệu (%)	Polyester		TCVN 5465-11 : 2009	65±3
		Visco			35±3
6	Thay đổi kích thước sau giặt 60° C	Dọc (%)		TCVN 8041:2009	≤ 3,5
		Ngang (%)			≤ 1,5
7	Độ bền màu ma sát (cấp)	Khô	Dọc	TCVN 4538 : 2007	≥ 4
			Ngang		≥ 4
		Ướt	Dọc		≥ 4
			Ngang		≥ 4
8	Độ bền màu giặt xả phòng ở 60° C (cấp)	Phai màu		TCVN 7835-C10(3) :2007	≥ 4
		Dây màu			≥ 4
9	Độ vón gút sau 7200 vòng quay		TCVN 7426-1:2004	≥ 4	
10	Hàm lượng fomandehit (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	≤ 75	
11	Xác định chất màu azo bị cấm (mg/kg)		TCVN 7619-1:2007 & TCVN 7619-2:2007 hoặc ISO 24362-1	K.p.h.t	

2.3 Vải Popolin Pes/vi (65/35) màu trắng, khổ vải tối thiểu là 150 cm (+0 đến 3cm):

Stt	CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	YÊU CẦU	
1	Mật độ	Dọc (sợi/10 cm)	280± 5	
		Ngang (sợi /10cm)	230 ± 5	
2	Độ bền kéo đứt bằng vải (N)	Dọc (N)	≥ 600	
		Ngang (N)	≥ 420	
3	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Nm)	Sợi dọc	72/2±3	
		Sợi ngang	72/2±3	
4	Khối Lượng	Thực tế (g/m <sup>2</sup> )	160±5	
5	Thành phần nguyên liệu (%)	Polyester	65±3	
		Visco	35±3	
6	Thay đổi kích thước sau khi giặt ở 60°C	Dọc (%)	≤ 2,5	
		Ngang (%)	≤ 1,5	
7	Cấp trắng	Cấp	Theo thang trắng chuẩn Ciba geygi của CHLB Đức	≥ 10
		Dây màu		
8	Độ vón gút sau 7200 vòng quay		TCVN 7426-1:2004	≥ 4
9	Hàm lượng fomandehit (mg/kg)		TCVN 7421-1:2013	≤ 75
10	Xác định chất màu azo bị cấm (mg/kg)		TCVN 7619-1:2007 & TCVN 7619-2:2007 hoặc ISO 24362-1	K.p.h.t

*manh*

## II. Định mức vải may trang phục

STT	Loại trang phục	Đơn vị tính	Định mức (mét vải/1 sản phẩm)
A	B	C	D
1	Áo khoác chống rét nam	Chiếc	2.30
2	Áo khoác chống rét nữ	Chiếc	2.10
3	Bộ quần áo thu đông nam	Bộ	2.62
4	Bộ quần áo thu đông nữ	Bộ	2.47
5	Quần xuân hè nam	Chiếc	1.14
7	Áo xuân hè nam	Chiếc	1.37
6	Quần xuân hè nữ	Chiếc	1.06
8	Áo xuân hè nữ	Chiếc	1.02
9	Áo sơ mi dài tay nam	Chiếc	1.49
10	Áo sơ mi dài tay nữ	Chiếc	1.25
11	Calavat nam	Chiếc	0.14
12	Calavat nữ	Chiếc	0.12
13	Bộ quần áo lễ phục mùa đông nam	Bộ	2.77
14	Bộ quần áo lễ phục mùa đông nữ	Bộ	2.40
15	Bộ quần áo lễ phục mùa hè nam	Bộ	2.74
16	Bộ Juyp, áo lễ phục mùa hè nữ	Bộ	2.27
17	Áo sơ mi dài tay nam lễ phục mùa đông	Chiếc	1.48
18	Áo sơ mi dài tay nữ lễ phục mùa đông	Chiếc	1.23



**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN  
TỐI CAO**

**Phụ lục số 02**

**QUY ĐỊNH**

**Tiêu chuẩn kỹ thuật gia công may trang phục Viện kiểm sát nhân dân**

*(Kèm theo Quyết định số: .58/QĐ-VKSTC*

*ngày 11/6/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

TT	Danh mục hàng hóa	Ghi chú
1	<b>Áo khoác chống rét</b> a) <b>Màu sắc:</b> Màu xanh đen	
	<b>b) Kiểu dáng:</b> <b>- Áo khoác chống rét nam:</b> Kiểu áo choàng Nam cổ không chân, có hai lớp, lớp lót lụa cùng màu, nẹp áo đính 5 cúc nhựa 20 ly cùng màu vải, cúc chìm tạo dáng mềm mại cho người sử dụng. Thân trước áo 2 bên sườn có 2 túi coi, miệng túi chếch, thân sau áo có xẻ sống sau, áo được dựng canh tóc và ép keo tạo độ phẳng và đứng áo. Tay áo kiểu tay áo véctông có cá tay. <b>- Áo khoác chống rét nữ:</b> Kiểu áo choàng Nữ chân cổ cao, không có bản cổ, ve cổ áo cài kín, có hai lớp, lớp lót lụa cùng màu. Thân áo được thiết kế 4 ly dọc eo tạo dáng mềm mại cho áo. Nẹp thân trước được đính 6 cúc nhựa 20 ly cùng màu vải, hai bên sườn có 2 túi coi, miệng túi chếch. Thân sau áo có xẻ sống sau, eo áo được thiết kế đai áo cùng loại vải tạo dáng áo hài hòa, thẩm mỹ hiện đại.	
2	<b>Bộ quần áo thu đông</b> a) <b>Màu sắc:</b> Màu xanh đen	
	<b>b) Kiểu dáng</b> <b>- Bộ quần, áo thu đông nam:</b>	

*man*

TT	Danh mục hàng hóa	Ghi chú
	<p>+ <b>Áo:</b> Kiểu áo khoác ngoài. Áo có hai lớp, lớp lót lụa cùng màu, giữa được dựng bằng mex cao cấp, quả ngực được dựng bằng canh tóc tạo dáng cho áo phẳng, khỏe khoắn. Thân trước: cổ áo được thiết kế theo kiểu chữ K, có 4 túi, 2 túi ngực, 2 túi dưới, túi ốp nổi, nắp túi lượn hình cánh nhọn, bị túi được gấp vát 2 góc, giữa bị túi có đố túi được súp nổi tạo dáng khỏe mạnh. Nẹp áo được đính 4 cúc kim loại 20 ly, nắp 2 túi dưới đính cúc kim loại 20 ly, 2 nắp túi trên được đính 2 cúc kim loại 16 ly. Vai áo có 2 dây đĩa vai để đeo cấp hiệu. Ve cổ áo có thiết kế phù hợp để cài phù hiệu. Thân sau được xẻ sau tạo dáng khỏe khoắn, tiện ích cho người sử dụng.</p> <p><i>(Cúc kim loại màu vàng đối với chức danh tư pháp và cúc kim loại màu bạch kim đối với các chức danh khác)</i></p> <p>+ <b>Quần:</b> Kiểu quần âu, được thiết kế cạp quai nhê, móc cổ định bằng inox, bản cạp rộng 4 cm, bên trong cạp lót được gắn dây cao su có tác dụng giữ cố định áo somi khi người sử dụng sovin, đầu cạp có cúc nhựa hãm làm cho cửa quần phẳng, đẹp và chắc chắn, quần có 06 dây đĩa để thắt dây lưng, dây đĩa được đính gộp 2 lần cho kín, đảm bảo thẩm mỹ và chắc chắn. Thân trước có 02 ly lật, hai bên sườn có 02 túi dọc miệng túi chéo, cửa quần được sử dụng dây khóa kéo cùng màu vải, có hai phốp ly tạo dáng thẩm mỹ. Thân sau có 01 ly chìm và hai túi hậu, miệng túi máy viền được thừa đính cúc nhựa tạo dáng khỏe mạnh, gấu quần được thiết kế gấu vát chéo có mặt nguyệt để không bị gãy phốp ly, bên trong phía sau gấu được gắn dây dẹt để gấu không bị sờn trong quá trình sử dụng</p> <p>- <b>Bộ quần, áo thu đông nữ:</b></p> <p>+ <b>Áo:</b> Kiểu áo khoác ngoài. Áo có hai lớp, lớp lót lụa cùng màu, giữa được dựng bằng mex cao cấp. Thân trước: cổ áo được thiết kế trên ve áo có hình chữ K, nẹp áo được đính bằng 4 cúc 18 ly bằng kim loại, 2 túi dưới có đính 2 cúc bằng kim loại 18 ly, bị túi được gấp vát 2 góc phía dưới có đố túi ở giữa, tạo sự khỏe khoắn. Vai áo có 2 dây đĩa vai để đeo cấp hiệu. Ve cổ áo có thiết kế phù hợp để cài phù hiệu. Thân sau được xẻ sau tạo dáng khỏe khoắn, tiện ích cho người sử dụng. Tay áo kiểu comple, cửa tay, béc tay tạo dáng khỏe mạnh.</p> <p><i>(Cúc kim loại màu vàng đối với chức danh tư pháp và cúc kim loại màu bạch kim đối với các chức danh khác)</i></p>	

TT	Danh mục hàng hóa	Ghi chú
	<p>+ <b>Quần:</b> Kiểu quần âu, được thiết kế theo dáng công nghệ mới hiện đại. Thân trước không có ly, túi bô ( bô ) chéo tạo dáng ôm sát khỏe khoắn. Thân sau có 2 ly chìm, cặp quần được thiết kế cong tạo dáng ôm gọn nữ tính mềm mại, cặp quần bản rộng 2,5 cm tạo thẩm mỹ cho người sử dụng, có 06 dây đĩa để thắt dây lưng, được đính gấp 2 lần cho kín đảm bảo thẩm mỹ và chắc chắn. Cờ quần được sử dụng dây khóa nhựa kéo cùng màu vải, quần có phốp ly.</p>	
3	<p><b>Bộ quần áo xuân hè</b></p> <p><b>a) Màu sắc:</b></p> <p>+ <b>Áo :</b> Màu xanh hòa bình</p> <p>+ <b>Quần:</b> Màu xanh đen</p>	
	<p><b>b) Kiểu dáng:</b></p> <p><b>- Bộ quần áo xuân hè nam:</b></p> <p>+ <b>Áo:</b> Kiểu áo chít gấu ngắn tay. Áo chếp ly có ly ở đai, cổ áo đứng, thân trước có 2 túi ngực đính cúc nhựa 12 ly cùng màu vải, nắp túi áo thiết kế theo hình cong cánh nhận, bị túi được gấp vát 2 bên, giữa bị túi có đố túi, súp nổi tạo dáng thẩm mỹ. Nẹp áo được đính 6 cúc nhựa 12 ly cùng màu vải. Vai áo có 2 dây đĩa vai để đeo cấp hiệu. Ve cổ áo có thiết kế phù hợp để cài phù hiệu. Thân sau áo có cầu vai, áo được chếp ly 2 bên, đai áo được xếp ly hai bên sườn, đai áo được gắn mỗi bên 2 cúc nhựa 12 ly cùng màu vải, tay áo ngắn, cửa tay lật ra ngoài tạo dáng khỏe khoắn.</p> <p>+ <b>Quần:</b> Kiểu quần âu, được thiết kế cặp quai nhê, móc cố định bằng inox, bản cặp rộng 4 cm, bên trong cặp lót được gắn dây cao su có tác dụng giữ cố định áo somi khi người sử dụng sovín, đầu cặp có cúc nhựa hãm làm cho cửa quần phẳng, đẹp và chắc chắn, quần có 06 dây đĩa để thắt dây lưng, dây đĩa được đính gấp 2 lần cho kín, đảm bảo thẩm mỹ và chắc chắn. Thân trước có 02 ly lật, hai bên sườn có 02 túi dọc miệng túi chéo, cửa quần được sử dụng dây khóa kéo cùng màu vải, có hai phốp ly tạo dáng thẩm mỹ. Thân sau có 01 ly chìm và hai túi hậu, miệng túi máy viền được thừa đính cúc nhựa tạo dáng khỏe mạnh, gấu quần được thiết kế gấu vát chéo có mặt nguyệt để không bị gãy phốp ly, bên trong phía sau gấu được gắn dây dệt để gấu không bị sờn trong quá trình sử dụng</p> <p><b>- Bộ xuân hè nữ:</b></p> <p>+ <b>Áo:</b> Kiểu áo sơ mi ngắn tay. Thân trước cổ áo được thiết kế loại cổ bẻ hình chữ K, chếp 2 ly eo, chếp 2 ly vai, 2 túi dưới có nắp túi</p>	

TT	Danh mục hàng hóa	Ghi chú
	<p>giả, nẹp áo được đính 5 cúc nhựa 12 ly cùng màu vải áo. Vai áo có 2 dây đĩa vai để đeo cấp hiệu. Ve cổ áo có thiết kế phù hợp để cài phù hiệu. Thân sau được sản xuất liền sống không xẻ, tạo dáng ôm khỏe khoắn cho người mặc khi sử dụng, áo ngắn tay cửa tay lật ra ngoài tạo dáng khỏe khoắn.</p> <p>+ <b>Quần:</b> Kiểu quần âu, được thiết kế theo dáng công nghệ mới hiện đại. Thân trước không có ly, túi bô (bỏ) chéo tạo dáng ôm sát khỏe khoắn. Thân sau có 2 ly chìm, cạp quần được thiết kế cong tạo dáng ôm gọn nữ tính mềm mại, cạp quần bản rộng 2,5 cm tạo thẩm mỹ cho người sử dụng, có 06 dây đĩa để thắt dây lưng, được đính gấp 2 lần cho kín đảm bảo thẩm mỹ và chắc chắn. Cửa quần được sử dụng dây khóa nhựa kéo cùng màu vải, quần có phếp ly.</p>	
4	<p><b>Áo sơ mi dài tay</b></p> <p>a) <b>Màu sắc:</b> Màu xanh hòa bình</p>	
	<p>b) <b>Kiểu dáng:</b></p> <p>- <b>Áo sơ mi nam:</b></p> <p>Kiểu áo sơ mi dài tay. Được thiết kế cổ đứng có túi ngực, nẹp áo có đính 8 cúc nhựa 12 ly cùng màu vải của áo, tay áo dài có măng séc được đính cúc nhựa 12 ly cùng màu vải. Thân sau có cầu vai, chân cầu vai được chếp ly hai bên, thân gấu áo thẳng, tiện ích cho người sử dụng.</p> <p>- <b>Áo sơ mi nữ</b></p> <p>Kiểu áo sơ mi dài tay. Được thiết kế cổ đứng, tay áo dài có măng séc, thân áo được chếp ly eo, tạo dáng thẩm mỹ, nẹp áo được đính bằng 06 cúc nhựa 12 ly có màu sắc cùng màu vải của áo, tay áo dài có măng séc được đính cúc nhựa 12 ly cùng màu vải.</p>	
5	<p><b>Cà vạt thường dùng</b></p> <p>a) <b>Màu sắc:</b> Màu xanh đen</p>	
	<p>b) <b>Kiểu dáng:</b></p> <p>Cà vạt được sử dụng trong bộ thu đông; kích thước chiều dài được chia làm 3 cỡ 43cm, 45cm và 47cm, phần rộng nhất 10cm (đối với calavat Nam); kích thước dài 39cm, 41cm và 43cm phần rộng nhất 8,5 cm (đối với Nữ); kiểu củ ấu thắt cổ định có khóa kéo và chốt hãm tự động, tạo nên dáng dấp ổn định, bền đẹp tiện ích cho người sử dụng.</p>	

TT	Danh mục hàng hóa	Ghi chú
6	<b>Mũ kê pi thường dùng</b>	
	<p>a) <b>Màu sắc:</b> màu xanh đen.</p> <p>b) <b>Kiểu cách:</b> Kiểu mũ kê pi vành cong, trán mũ nhô cao, cầu mũ được may bằng vải sợi tổng hợp màu đỏ. Phần lưỡi trai mũ làm bằng nhựa cứng màu đen bóng, đầu lưỡi trai được gắn cạnh từng bằng kim loại màu vàng, phía cuối lưỡi trai mũ được đính dây coóc đồng tết kép màu vàng, được đính cố định bằng chốt kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi ở 2 đầu, 2 bên hông thành mũ mỗi bên có 2 ôzê tiện ích cho sử dụng và thẩm mỹ, trán mũ có 1 ôzê để gắn phù hiệu ngành Kiểm sát.</p> <p>Đối với mũ kê pi của Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Cầu mũ màu đỏ được dệt hoa văn và dây coóc đồng dệt bằng kim tuyến kích thước rộng 20 ly.</p>	
7	<b>Quần, áo lễ phục mùa hè</b>	
	<p>a) <b>Màu sắc:</b> Màu vàng tơ</p> <p>b) <b>Kiểu dáng:</b></p> <p>- <b>Quần, áo lễ phục mùa hè nam:</b></p> <p>+ <b>Áo:</b> Kiểu áo ngắn tay cổ bẻ 2 ve hình chữ K, ve cổ áo được thiết kế phù hợp để đeo phù hiệu và vai áo có đĩa vai để đeo cấp hiệu. Thân trước có 4 túi ốp nổi (2 túi ngực và 2 túi dưới), nắp túi lượn hình cánh nhọn, và được đính cúc kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi đường kính 15mm (túi ngực) và 22 mm (túi dưới), giữa bì túi có đồ túi súp nổi, bì túi vát góc. Kiểu áo 1 lớp không lót. Nẹp và ve áo thân trước được ép mex mềm và được đính 4 cúc kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi đường kính 22mm. Thân sau có xẻ sống sau.</p> <p>+ <b>Quần:</b> Kiểu quần âu 2 ly, thân trước có 2 túi sườn dọc, miệng túi chéo. Thân sau có 1 ly chìm, có 2 túi hậu, miệng túi may kiểu miệng túi viền và được thùa, đính 1 cúc nhựa 16mm cùng màu vải chính, cửa quần được sử dụng dây khóa nhựa cùng tông màu vải, cạp quần kiểu quai nhê, trong cạp lót được gắn dây cao su, có tác dụng giữ cố định áo somi khi người sử dụng sovin. Đầu cạp đính cúc nhựa 16mm cùng tông màu vải, phía trong đầu cạp có sử dụng móc inoc và đính cúc định vị, cạp quần có 6 dây đĩa được đính gấp 2 lần để gài dây lưng, gấu quần vắt chỉ chìm, giữa gấu thân trước có mặt nguyệt hót lên 15mm để không gây phốp ly mũi giày, giữa gấu thân sau sa xuống 15mm để che gót giày. Bên trong phía sau gấu được</p>	

TT	Danh mục hàng hóa	Ghi chú
	<p>gắn dây dệt để gấu không bị sờn khi sử dụng. Lót lụa cùng tông màu vải quần (lót thân sau dài qua mông và thân trước dài qua gối).</p> <p><b>- Quần, áo lễ phục mùa hè nữ:</b></p> <p>+ <b>Áo:</b> Kiểu áo ngắn tay, cổ bẻ 2 ve hình chữ K, ve cổ áo được thiết kế phù hợp để đeo phù hiệu và vai áo có đĩa vai để đeo cấp hiệu. Vạt áo thân trước chiết ly ngực 1 ly gằm nách, có 2 túi ốp dưới, đố túi súp nổi, bị túi vát góc, nắp túi lượn hình cánh nhọn và được đính cúc kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi đường kính 18mm. Kiểu áo 1 lớp không lót. Nẹp và ve áo thân trước được ép mex mùng và được đính 4 cúc kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi đường kính 18mm. Thân sau có xẻ sống sau.</p> <p>+ <b>Juýp nữ:</b> kiểu juýp nữ cạp rời, khóa kéo sau. Thân trước và thân sau có 2 ly chìm, 2 bên sườn trước có 2 túi hàm ếch, juýp có xẻ sau và toàn thân có lót lụa cùng tông màu vải juýp.</p>	
8	<b>Bộ quần áo lễ phục mùa đông</b>	
	<p><b>a) Màu sắc:</b> Màu vàng tơ</p> <p><b>b) Kiểu dáng:</b></p> <p><b>- Quần, áo lễ phục nam:</b></p> <p>+ <b>Áo:</b> Kiểu áo khoác mùa đông, cổ bẻ 2 ve hình chữ K, ve cổ áo được thiết kế phù hợp để đeo phù hiệu và vai áo có đĩa vai để đeo cấp hiệu. Thân trước có 4 túi ốp nổi, nắp túi lượn hình cánh nhọn. Giữa bị túi có đố túi súp nổi, bị túi vát góc. Nắp túi ngực đính cúc kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi đường kính 15mm. Nắp túi dưới đính cúc kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi đường kính 22mm. Toàn bộ thân trước áo được dựng canh tóc và ép keo. Nẹp áo được đính 4 cúc kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi đường kính 22mm. Thân sau có xẻ sống sau. Tay áo kiểu tay áo comple, có bác tay rộng 90mm. Toàn thân áo có lót lụa cùng tông màu vải áo.</p> <p>+ <b>Quần:</b> kiểu quần âu 2 ly, thân trước có 2 túi sườn dọc, miệng túi chéo. Thân sau có 1 ly chìm, có 2 túi hậu, miệng túi may kiểu miệng túi viền và được thùa, đính 1 cúc nhựa 16mm cùng màu vải chính, cửa quần được sử dụng dây khóa nhựa cùng tông màu vải, cạp quần kiểu quai nhê, trong cạp lót được gắn dây cao su, có tác dụng giữ cố định áo somi khi người sử dụng sovin. Đầu cạp đính cúc nhựa 16mm cùng tông màu vải, phía trong đầu cạp có sử dụng móc inoc và đính 1 cúc định vị, cạp quần có 6 dây đĩa được đính gấp 2 lần để gài dây lưng, gấu quần vát chỉ chìm, giữa gấu thân trước có mặt nguyệt hót</p>	

TT	Danh mục hàng hóa	Ghi chú
	<p>lên 15mm để không gây phốp ly mũi giày, giữa gấu thân sau sa xuống 15mm để che gót giày. Bên trong phía sau gấu được gắn dây dệt để gấu không bị sờn khi sử dụng. Lót lụa cùng tông màu vải quần (lót thân sau dài qua mông và thân trước dài qua gối).</p> <p><b>- Quần, áo lễ phục nữ:</b></p> <p>+ <b>Áo:</b> kiểu áo khoác nữ mùa đông, cổ bẻ 2 ve hình chữ K, ve cổ áo được thiết kế phù hợp để đeo phù hiệu và vai áo có đĩa vai để đeo cấp hiệu. Dưới vạt áo thân trước có 2 túi ốp nổi, nắp túi lượn hình cánh nhọn và đính cúc kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi đường kính 18mm, bị túi vát góc. Thân trước áo chiết ly ngực 1 ly gằm nách. Toàn bộ thân trước được dựng canh tóc, ép keo, nẹp áo đính 4 cúc kim loại màu vàng có hình ngôi sao dập nổi đường kính 18mm. Thân sau có xẻ sống sau. Tay áo kiểu tay comple có béc tay rộng 80mm. Toàn thân có lót lụa cùng tông màu vải áo.</p> <p>+ <b>Quần:</b> kiểu quần âu nữ, cạp cong. Thân trước có 1 ly chìm, cạp quần rộng 35mm, có 6 dây đĩa, 2 túi hàm ếch, cửa quần sử dụng dây khóa nhựa kéo cùng tông màu vải, không có túi hậu, ống quần đứng, gấu quần vắt chỉ chìm, kiểu gấu bằng. Lót lụa cùng tông màu vải quần (lót thân sau dài qua mông và thân trước dài qua gối)</p>	
9	<b>Áo sơ mi dài tay lễ phục mùa đông</b>	
	<p><b>a) Màu sắc:</b> Màu trắng</p> <p><b>b) Kiểu dáng:</b></p> <p>- <b>Áo sơ mi dài tay nam:</b> Áo cổ đứng, có một túi ngực, nẹp áo có đính 8 cúc nhựa 12mm cùng màu vải áo. Tay áo dài có măngséc được đính cúc nhựa 12mm cùng màu vải. Thân sau có cầu vai, chân cầu vai được chếp ly hai bên, thân gấu áo thẳng.</p> <p>- <b>Áo sơ mi dài tay nữ:</b> Áo cổ đứng, nẹp áo được đính 6 cúc nhựa 12 mm cùng tông màu vải áo. Tay áo dài có măngséc được đính cúc nhựa 12 ly cùng tông màu vải. Thân áo được chếp ly eo tạo dáng thắm mỹ.</p>	
10	<b>Mũ kê pi lễ phục</b>	
	<p><b>a) Màu sắc:</b> vải mũ màu vàng tơ.</p> <p><b>b) Kiểu cách:</b> kiểu mũ kê pi vành cong, trán mũ nhô cao, cầu mũ được may bằng vải sợi tổng hợp màu đỏ. Phần lưỡi trai mũ làm bằng nhựa cứng màu đen bóng, đầu lưỡi trai được gắn cạnh tùng bằng kim loại màu vàng, phía cuối lưỡi trai mũ được đính dây coóc đồng tết kép màu vàng, được đính cố định bằng chốt kim loại màu</p>	

TT	Danh mục hàng hóa	Ghi chú
	vàng có hình ngôi sao dập nổi ở 2 đầu, 2 bên hông thành mũ mỗi bên có 2 ôzê tiện ích cho sử dụng và thẩm mỹ, trán mũ có 1 ôzê để gắn phù hiệu ngành Kiểm sát.	
11	<b>Cà vạt lễ phục</b>	
	<p><b>a) Màu sắc:</b> Màu xanh đen.</p> <p><b>b) Kiểu dáng:</b> Cà vạt được sử dụng trong bộ lễ phục mùa đông; kích thước chiều dài được chia làm 3 cỡ 43cm, 45cm và 47cm, phần rộng nhất 10cm (đối với cà vạt Nam); kích thước dài 39cm, 41cm và 43cm phần rộng nhất 8,5 cm (đối với cà vạt Nữ); kiểu củ ấu thắt cổ định có khóa kéo và chốt hãm tự động, tạo nên dáng dấp ổn định, bền đẹp tiện ích cho người sử dụng.</p>	



**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN  
TỐI CAO**

**Phụ lục số 03**

**QUY ĐỊNH**

**Tiêu chuẩn kỹ thuật giày da, dép quai hậu, thắt lưng, bút tất,  
áo mưa và cặp đựng tài liệu Viện kiểm sát nhân dân**

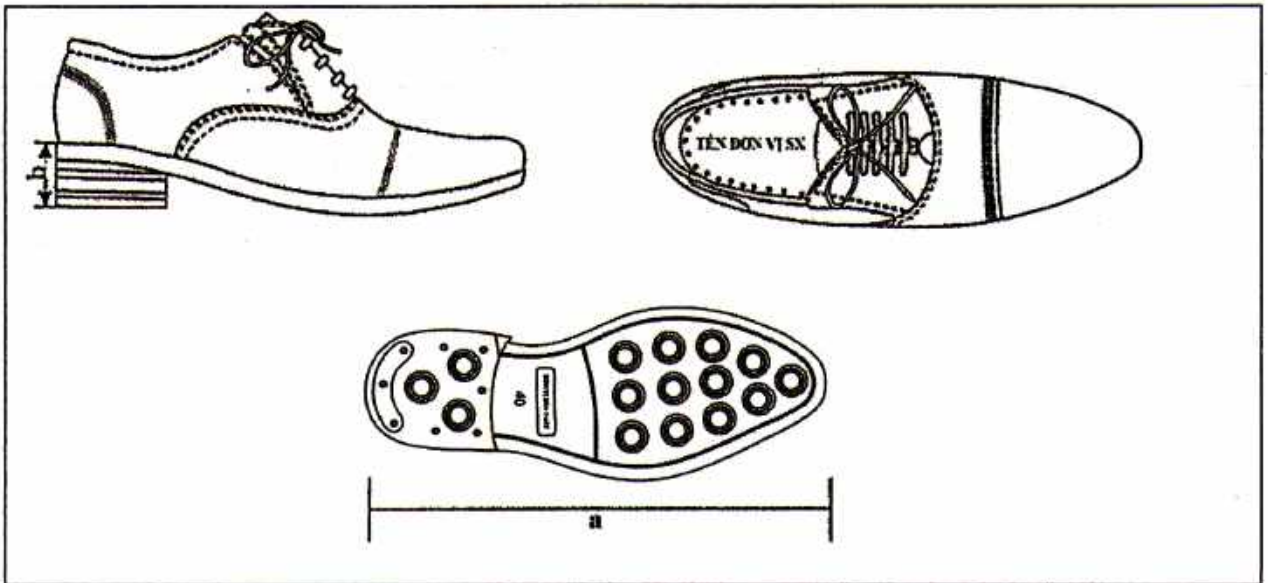
*(Kèm theo Quyết định số: 58/QĐ-VKSTC*

*ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

**1. Giày da nam cao cấp**

**a. Hình dáng:**

*Bản vẽ mô tả hình dáng, cấu tạo sản phẩm*



**b. Cấu tạo**

- Kiểu giày Oxford thấp cổ màu đen, buộc dây kiểu thắt nơ. Phần mũi và hậu giày được in nhiệt đường may giả trang trí, 2 bên thân giày được đệm mút xóp tạo êm. Mang trong, ngoài có gắn thun co giãn, có 05 cặp lỗ để buộc dây cố định và trang trí;

- Mũi giày làm bằng da bò nguyên cật, thuộc nhuộm xuyên màu đen, vân in mịn tự nhiên; Lót mũi giày, lót đế bằng da bò non màu vàng; mặt dưới lót đế có lớp đệm bằng PU foam tạo êm;

- Đế giày bằng nguyên liệu polyether đúc định hình, liền gót riều theo từng cỡ số, trọng lượng nhẹ, khả năng kháng mài mòn cao, thân thiện với môi trường. Mặt dưới có tên

*Handwritten signature*

đơn vị sản xuất, cỡ số và đúc nổi hoa văn để đảm bảo không trơn trượt, tạo điểm nhún êm khi sử dụng.

c. Kết cấu giày: Đế và mũi giày được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp chuyên dụng.

d. Yêu cầu về nguyên liệu

- Da mũi giày (da mặt chính): Da bò thuộc mềm, dẻo loại da nguyên cật vân da mịn tự nhiên, màu đen.

- Da lót: Lót trong mũi giày, lót hậu, lót mặt (lót tẩy) làm bằng da bò non màu vàng.

**Bảng các chỉ tiêu cơ lý da mũi giày, da lót**

STT	Tên chỉ tiêu	Đvt	Quy định		Phương pháp thử
			Da mũi	Da lót	
1	Độ dày	mm	1,3÷1,8	0,7÷1,1	TCVN 7118:2007
2	Độ bền kéo đứt	N/mm <sup>2</sup>	≥ 16	≥ 10	TCVN 7121:2014
3	Độ giãn dài khi đứt	%	≤ 70	≤ 70	TCVN 7121:2014
4	Độ bền xé rách	N/mm	≥ 25	≥ 15	TCVN 7122-1:2007

- Đế giày (đế ngoài): Đế giày polyether đố (rót) định hình, màu đen. Mặt đế có hoa văn chống trơn trượt, cỡ số và logo tên đơn vị sản xuất.

**Bảng các chỉ tiêu cơ lý của đế giày**

STT	Tên chỉ tiêu	Đvt	Quy định	Phương pháp thử
1	Độ bền kéo đứt	N/cm <sup>2</sup>	≥300	TCVN 4509:2006
2	Độ giãn dài khi đứt	%	≥200	TCVN 4509:2006
3	Khối lượng riêng	g/cm <sup>3</sup>	≤ 1,0	TCVN 4504:1988
4	Độ cứng	Shore A	60 ± 5	TCVN 4502:2008
5	Lượng mài mòn	cm <sup>3</sup> /1,61km	≤ 1,2	TCVN 1594:1987

- Đế trung: Bằng 02 lớp giấy cứng chuyên dùng ép định hình theo phom giày, giữa có ke sắt (độn sắt) định hình theo làn phom giày.

- Dây buộc giày: Loại sợi Polyester, màu đen (dài 70 cm ± 5 cm); Kiểu dệt ống tròn có lõi, đường kính 2 mm ± 0,5 mm.

- e. Chỉ tiêu thông số kỹ thuật thành phẩm, hàng hóa:

- Thông số, kích thước sản phẩm được quy định ở bảng sau:

**Các thông số cơ bản của giày thành phẩm**

Đơn vị tính: mm

STT	Cỡ số Chỉ danh đo	38	39	40	41	42	43	44	Dung sai
1	Mũi giày dài	87	89	91	93	120	122	124	± 2
2	Mặt giày dài	29	30	31	32	33	34	35	± 1
3	Rộng cổ giày	320	325	330	335	340	345	350	± 3
4	Cao hậu	58	59	60	61	62	63	64	± 1
5	Cao thành mắt cá	48	49	50	51	52	53	54	± 0,5
6	Hậu giày - Rộng ngang chân	146	148	150	152	154	156	158	± 2
7	Khoảng cách tâm ô dế	15	15	15	15	15	15	5	± 0,5
8	Mật độ đường may (mũi/cm)	4	4	4	4	4	4	4	± 0,5
9	Đường may đơn cách mép	1	1	1	1	1	1	1	± 0,5
10	Ba đường may song song:								
	- Đường 1 cách mép da.	1	1	1	1	1	1	1	± 0,5
	- Đường 2 cách mép da.	2	2	2	2	2	2	2	± 0,5
	- Đường 3 cách mép da.	5	5	5	5	5	5	5	± 0,5
11	Đường may lộn cổ giày - Khoảng rộng nhất cách mép	10	10	10	10	10	10	10	± 1
12	Số lỗ buộc dây giày trên một nẹp	5	5	5	5	5	5	5	
13	Chiều dài để kể cả viền điều (a)	290	295	300	305	310	315	320	± 3
14	Cao gót đến mép điều (b)	30	30	30	30	30	30	30	± 2

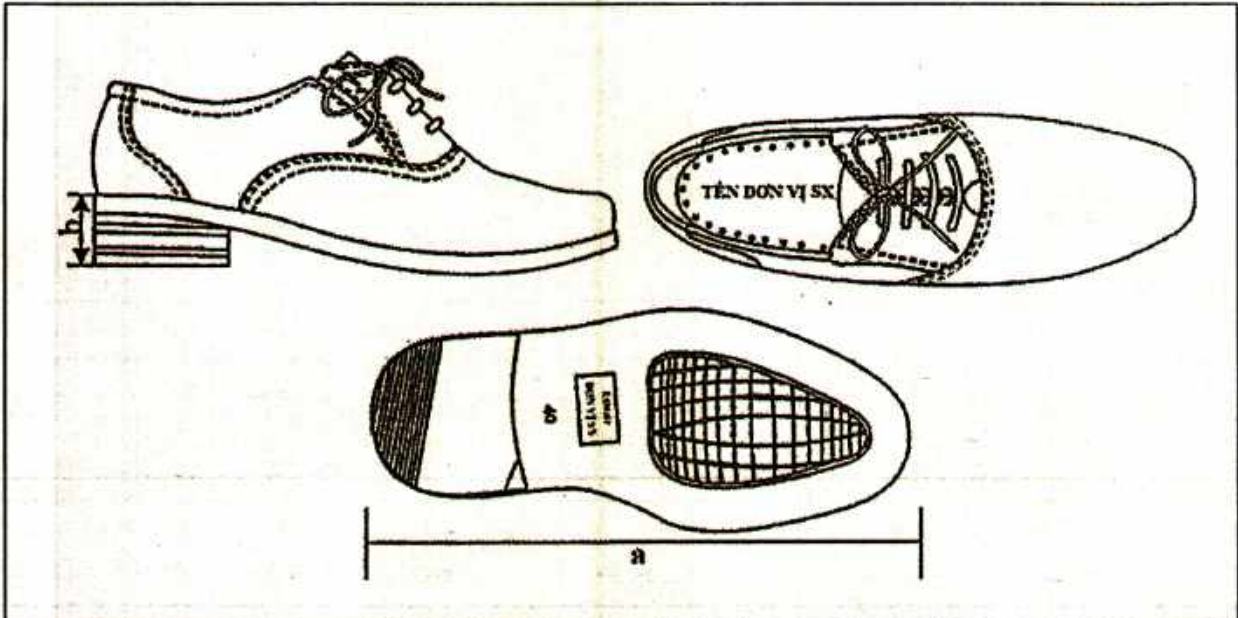
*Handwritten signature*

## 2. Giày da nam công chức viên chức và người lao động

### 2.1. Yêu cầu chung

#### a. Hình dáng:

*Bản vẽ mô tả hình dáng, cấu tạo sản phẩm*



#### b. Cấu tạo

- Kiểu giày Oxford thấp cổ, buộc thắt nơ trang trí, mũi giày dạng tròn không vân ngang; nẹp ôđê có 04 cặp lỗ để buộc dây trang trí, dưới chân nẹp có chun co giãn.
- Mũi giày làm bằng da bò nguyên cật, thuộc nhuộm xuyên màu đen, vân in mịn tự nhiên.
- Lót trong, lót đế trong mặt giày bằng da heo nguyên cật màu nâu.
- Đế ngoài bằng nguyên liệu Polyether màu đen, có trọng lượng nhẹ, thân thiện với môi trường. Mặt dưới có hoa văn và đúc định hình tên đơn vị sản xuất, cỡ số.
- c. Kết cấu giày: Đế và mũi giày được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp.

### 2.2. Yêu cầu về nguyên liệu

- Da mũi giày (da mặt chính): Da bò thuộc mềm, dẻo loại thuộc nguyên mặt cật vân da mịn tự nhiên, màu đen.

- Da lót: Lót trong, lót hậu, lót mặt (lót tẩy) làm bằng da heo cật màu nâu.

*Bảng các chỉ tiêu cơ lý da mũi giày, da lót*

TT	Tên chỉ tiêu	Đvt	Quy định		Phương pháp thử
			Da mũi	Da lót	
1	Độ dày	mm	1,4÷1,8	0,7÷1,1	TCVN 7118:2007
2	Độ bền kéo đứt	N/mm <sup>2</sup>	≥ 16	≥ 10	TCVN 7121:2014
3	Độ giãn dài khi đứt	%	≤ 70	≤ 70	TCVN 7121:2014

TT	Tên chỉ tiêu	Đvt	Quy định		Phương pháp thử
			Da mũ	Da lót	
4	Độ bền xé rách	N/mm	≥ 25	≥ 15	TCVN 7122-1:2007

- Đế giày (đế ngoài): Đế giày Polyether đố (rót) định hình, màu đen. Mặt đế có hoa văn chống trơn trượt, cỡ số và logo tên đơn vị sản xuất.

**Bảng các chỉ tiêu cơ lý của đế giày**

TT	Tên chỉ tiêu	Đvt	Quy định	Phương pháp thử
1	Độ bền kéo đứt	N/cm <sup>2</sup>	≥ 300	TCVN 4509:2006
2	Độ giãn dài khi đứt	%	≥ 200	TCVN 4509:2006
3	Khối lượng riêng	g/cm <sup>3</sup>	≤ 1,0	TCVN 4504:1988
4	Độ cứng	Shore A	60 ± 5	TCVN 4502:2008
5	Lượng mài mòn	cm <sup>3</sup> /1,61km	≤ 1,2	TCVN 1594:1987

- Đế trung: Bằng 02 lớp giấy cứng chuyên dùng ép định hình theo phom giày, giữa có ke sắt (độn sắt) định hình theo làn phom giày.

- Dây buộc giày: Loại sợi Polyester, màu đen (dài 65 cm ± 5 cm); Kiểu dệt ống tròn có lõi, đường kính 3 mm ± 0,5 mm.

**2.3. Chỉ tiêu thông số kỹ thuật thành phẩm, hàng hóa:**

Thông số, kích thước sản phẩm được quy định ở bảng sau:

**Các thông số cơ bản của giày thành phẩm**

Đơn vị tính: mm

TT	Cỡ số Chỉ danh đo	38	39	40	41	42	43	44	Dung sai
		1	Mũi giày dài	108	110	112	114	116	
2	Rộng cổ giày	320	325	330	335	340	345	350	± 3
3	Cao hậu	58	59	60	61	62	63	64	± 1
4	Cao thành mắt cá	48	49	50	51	52	53	54	± 0,5
5	Hậu giày								

*Handwritten signature*

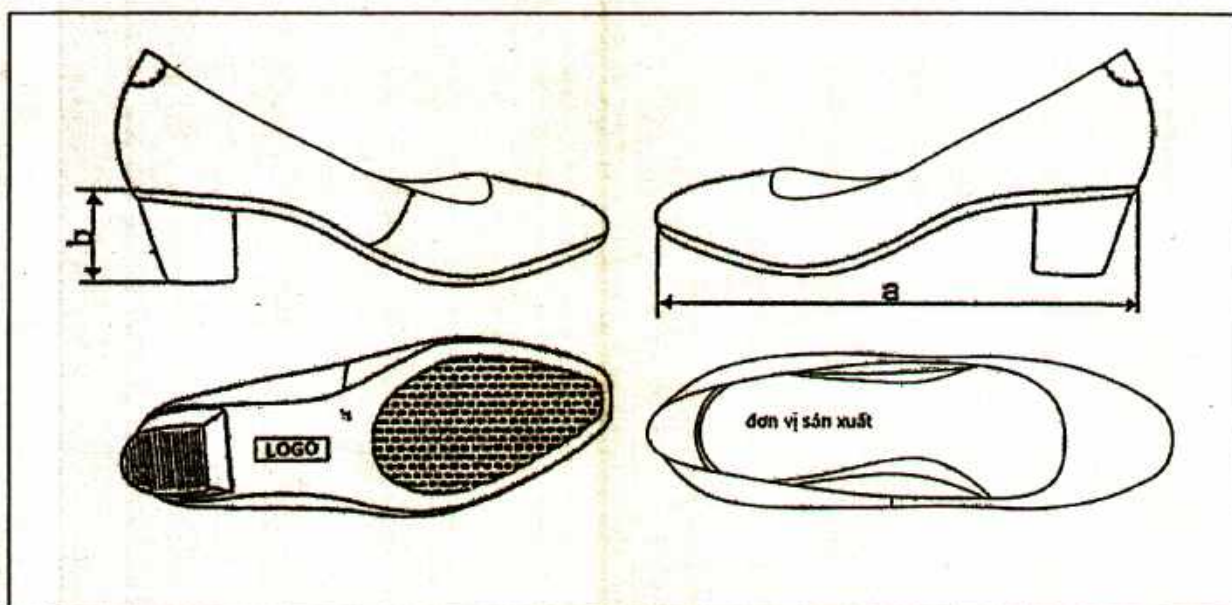
TT	Cỡ số Chỉ danh đo	38	39	40	41	42	43	44	Dung sai
		- Rộng ngang chân	156	158	160	162	164	166	
	- Rộng ngang đầu	61	63	65	67	69	71	73	$\pm 1$
6	Mật độ đường may (mũi/cm)	4	4	4	4	4	4	4	$\pm 0,5$
7	Đường may đơn cách mép	1	1	1	1	1	1	1	$\pm 0,5$
8	Đường may lộn cổ giày - Khoảng rộng nhất cách mép	10	10	10	10	10	10	10	$\pm 0,5$
9	Số lỗ buộc dây giày trên một nẹp	4	4	4	4	4	4	4	
10	Chiều dài để kẻ cả viền điệu (a)	280	285	290	295	300	305	310	$\pm 3$
11	Cao gót đến mép điệu (b)	35	35	35	35	35	35	35	$\pm 2$

### 3. Giày da nữ cao cấp

#### 3.1. Yêu cầu chung

##### a. Hình dáng:

*Bản vẽ mô tả hình dáng, cấu tạo sản phẩm*



## b. Cấu tạo:

- Kiểu giày thuyền, lặc liền không vân ngang.
- Mũ giày làm bằng da bò nguyên cật, thuộc nhuộm xuyên màu đen, vân in mịn tự nhiên, da mềm dẻo.
- Lót trong, lót đế bằng da cừu màu nâu. Dưới lót đế có đệm lớp cao su non tạo êm.
- Đế được sản xuất bằng chất liệu TPR (Thermoplastic Rubber) đúc liền gót và diều, bên trong lõi gót có dụng nhựa ABS để định hình gót giày, đế được phủ sơn màu đen mờ. Mặt dưới đế được đúc định hình lô gô hoặc tên đơn vị sản xuất, cỡ số.

c. Kết cấu giày: Đế và mũ giày được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp và đóng đinh chữ U phần gót.

## 3.2. Yêu cầu về nguyên liệu

- Da mũ giày (da mặt chính): Da bò thuộc mềm, dẻo loại nguyên mặt cật, vân da mịn tự nhiên, màu đen bóng vừa phải.
- Lót giày: Lót mũ giày, lót đế (lót tẩy) làm bằng da cừu màu nâu.

**Bảng các chỉ tiêu cơ lý da mũ giày, da lót**

TT	Tên chỉ tiêu	Đvt	Quy định		Phương pháp thử
			Da mũ	Da lót	
1	Độ dày	mm	1,0÷1,6	0,7÷1,1	TCVN 7118:2007
2	Độ bền kéo đứt	N/mm <sup>2</sup>	≥ 15	≥ 10	TCVN 7121:2014
3	Độ giãn dài khi đứt	%	≤ 70	≤ 70	TCVN 7121:2014
4	Độ bền xé rách	N/mm	≥ 20	≥ 15	TCVN 7122-1:2007

- Đế giày: bằng chất liệu TPR (Thermoplastic Rubber) đúc liền gót và diều, lõi gót dụng nhựa ABS, đế được phủ sơn mờ, mặt dưới có hoa văn chống trơn trượt; đế giày đóng đinh chữ U cố định ở phần gót bên trong giày.

**Bảng các chỉ tiêu cơ lý của đế giày**

TT	Tên chỉ tiêu	Đvt	Quy định	Phương pháp thử
1	Độ bền kéo đứt	N/cm <sup>2</sup>	≥300	TCVN 4509:2006
2	Độ giãn dài khi đứt	%	≥200	TCVN 4509:2006
3	Khối lượng riêng	g/cm <sup>3</sup>	≤ 1,2	TCVN 4504:1988

4	Độ cứng	Shore A	55 ±5	TCVN 4502:2008
5	Lượng mài mòn	cm <sup>3</sup> /1,61km	≤ 1,5	TCVN 1594:1987

- Đế trung: Bằng 02 lớp giấy cứng chuyên dùng ép định hình theo phom giày, giữa có ke sắt (độn sắt), phía trên mũi có lớp EVA 2mm tạo êm, cạnh đế trung được bao viền bằng Simili màu đen.

- Mặt lót: da cừu cán mút 3 mm màu nâu.

- Đinh 4 chấu bằng thép chuyên dùng, đóng sát vào mặt đế trung ở phần gót và được dán lớp vải chống cộm.

### 3.3. Chỉ tiêu thông số kỹ thuật thành phẩm, hàng hóa:

Thông số, kích thước sản phẩm được quy định ở bảng sau:

#### Các thông số cơ bản của giày thành phẩm

Đơn vị tính: mm

TT	Cỡ số Chỉ danh đo								Dung sai
		36	37	38	39	40	41	42	
1	Mũi giày dài	73	75	77	79	81	83	85	± 2
2	Cao hậu	50	51	52	53	54	55	56	± 2
3	Cao thành mắt cá	29	30	31	32	33	34	35	± 2
4	Mật độ đường may (mũi/cm)	4	4	4	4	4	4	4	± 0,5
5	Đường may lộn cách mép	1	1	1	1	1	1	1	± 0,5
6	Chiều dài đế kể cả viền điều (a)	240	245	250	255	260	265	270	± 3
7	Cao gót đến mép điều (b)	50	50	50	50	50	50	50	± 2

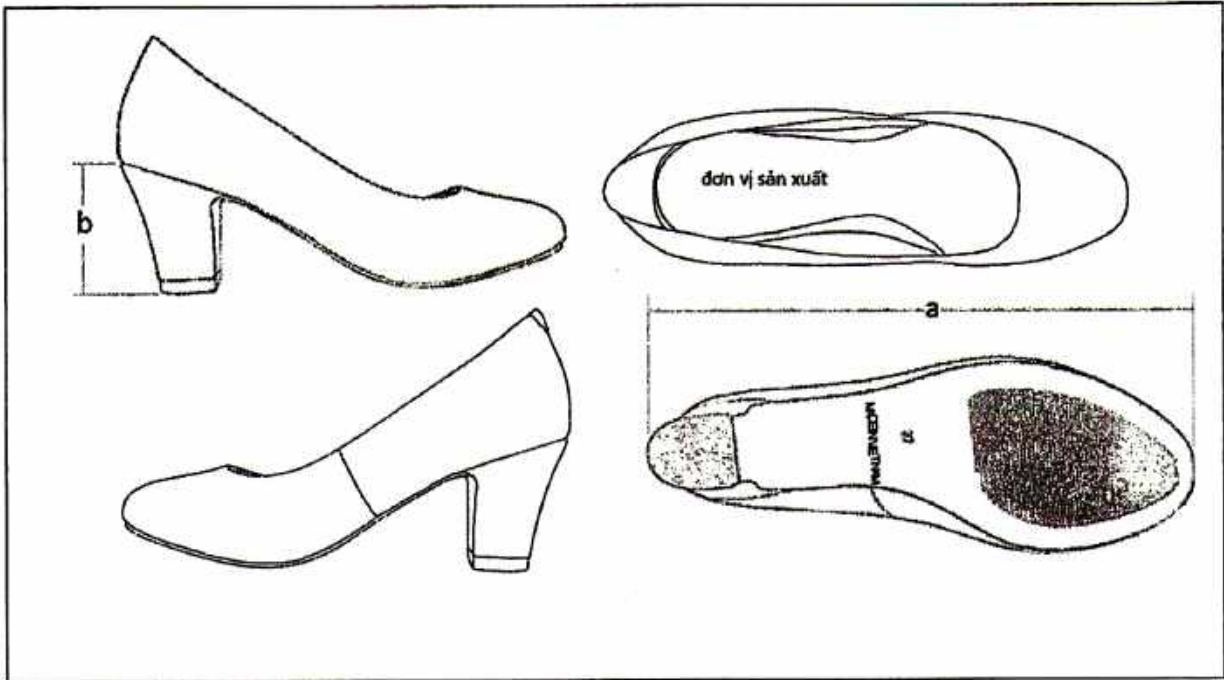
## 4. Giày da nữ công chức viên chức và người lao động

### 4.1. Yêu cầu chung

#### a. Hình dáng

*Bản vẽ mô tả hình dáng, cấu tạo sản phẩm*





#### b. Cấu tạo:

- Kiểu giày thuyền, lắ liền không vân ngang.
- Mũ giày làm bằng da bò nguyên cật, thuộc nhuộm xuyên màu đen, vân in mịn tự nhiên, da mềm dẻo.
- Lót trong, lót đế bằng da heo có nút xốp tạo êm màu nâu, lót hậu bằng ni màu nâu sáng.
- Đế và gót rời: mặt đế được sản xuất bằng nguyên liệu cao su nhiệt dẻo (TR) có hoa văn chống trơn trượt, cỡ số. Gót giày được bao bằng da hoặc simili màu đen.

c. Kết cấu giày: đế và mũ giày được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp và đóng đinh chữ U phần gót.

#### 4.2. Yêu cầu về nguyên liệu

- Da mũ giày (da mặt chính): Da bò thuộc mềm, dẻo loại nguyên mặt cật, vân da mịn tự nhiên, màu đen bóng vừa phải.
- Lót giày: lót hậu bằng vải ni không dệt màu nâu, lót mũ giày, lót đế (lót tẩy) làm bằng da heo màu nâu.

*Bảng các chỉ tiêu cơ lý da mũ giày, da lót*

TT	Tên chỉ tiêu	Đvt	Quy định		Phương pháp thử
			Da mũ	Da lót	
1	Độ dày	mm	1,0÷1,6	0,7÷1,1	TCVN 7118:2007
2	Độ bền kéo đứt	N/mm <sup>2</sup>	≥ 15	≥ 10	TCVN 7121:2014
3	Độ giãn dài khi đứt	%	≤ 70	≤ 70	TCVN 7121:2014
4	Độ bền xé rách	N/mm	≥ 20	≥ 15	TCVN 7122-1:2007

*Handwritten signature*

- Đế giày: Mặt đế bằng cao su nhiệt dẻo, có vân chống trơn trượt, cỡ số; gót bằng nhựa ABS, mặt dưới có đinh gót có hoa văn chống trơn trượt; đế giày đóng đinh cố định ở phần gót bên trong giày.

*Bảng các chỉ tiêu cơ lý của đế giày*

TT	Tên chỉ tiêu	Dvt	Quy định	Phương pháp thử
1	Độ bền kéo đứt	N/cm <sup>2</sup>	≥300	TCVN 4509:2006
2	Độ giãn dài khi đứt	%	≥200	TCVN 4509:2006
3	Khối lượng riêng	g/cm <sup>3</sup>	≤ 1,2	TCVN 4504:1988
4	Độ cứng	Shore A	55 ±5	TCVN 4502:2008
5	Lượng mài mòn	cm <sup>3</sup> /1,61km	≤ 1,5	TCVN 1594:1987

- Đế trung: Bằng 02 lớp giấy cứng chuyên dùng ép định hình theo phom giày, giữa có ke sắt (độn sắt), phía trên mũi có lớp EVA 2mm tạo êm, cạnh đế trung được bao viền bằng Simili màu đen.

- Mặt lót: da heo cán mút 3 mm màu nâu.

- Đinh 4 chấu bằng thép chuyên dùng, đóng sát vào mặt đế trung ở phần gót và được dán lớp vải chống cộm.

#### 4.3. Chỉ tiêu thông số kỹ thuật thành phẩm, hàng hóa

Thông số, kích thước sản phẩm được quy định ở bảng sau:

##### *Các thông số cơ bản của giày thành phẩm*

*Đơn vị tính: mm*

TT	Cỡ số Chỉ danh đo	Cỡ số							Dung sai
		36	37	38	39	40	41	42	
1	Mũi giày dài	66	68	70	72	74	76	78	± 2
2	Cao hậu	54	55	56	57	58	59	60	± 2
3	Cao thành mắt cá	29	30	31	32	33	34	35	± 2
4	Mật độ đường may (mũi/cm)	4	4	4	4	4	4	4	± 0,5
5	Đường may lộn cách mép	1	1	1	1	1	1	1	± 0,5
6	Chiều dài đế kể cả viền diều (a)	210	215	220	225	230	235	240	± 3

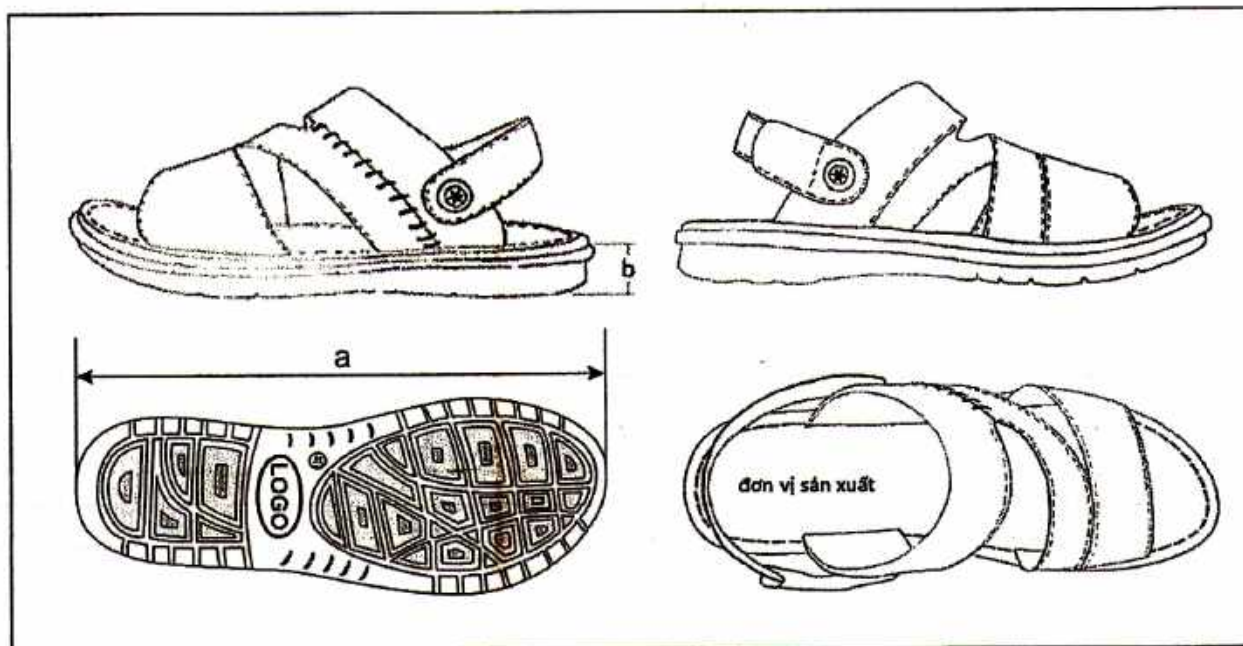
7	Cao gót đến mép đều (b)	60	62	62	64	64	64	64	$\pm 2$
---	-------------------------	----	----	----	----	----	----	----	---------

## 5. Dép quai hậu nam

### 5.1. Yêu cầu chung

a. Hình dáng:

*Bản vẽ mô tả hình dáng, cấu tạo sản phẩm*



b. Cấu tạo:

- Mũ dép: Kiểu quai hở thấp cổ, được làm từ da bò nguyên cật, màu đen thuộc nhuộm xuyên, in vân da.

- Quai hậu thiết kế di động tùy chỉnh từ dép thường sang dép quai hậu; Thun co giãn ở mang trong quai; lót quai bằng da heo màu nâu và mặt tẩy dép bằng simily giả da.

- Đế bằng TPR ép đúc định hình màu đen theo từng cỡ số, mặt đế có tên đơn vị sản xuất, cỡ số và hoa văn chống trơn trượt.

c. Kết cấu dép quai hậu: đế và mũ dép được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp.

### 5.2. Yêu cầu về nguyên liệu

- Da mũ dép (da mặt chính): Da bò thuộc mềm, dẻo loại nguyên mặt cật màu đen bóng vừa phải.

- Lót quai dép bằng da heo màu nâu, lót tẩy bằng simily giả da màu nâu và đen.

*Bảng các chỉ tiêu cơ lý da mũ giày, da lót*

*Handwritten signature*



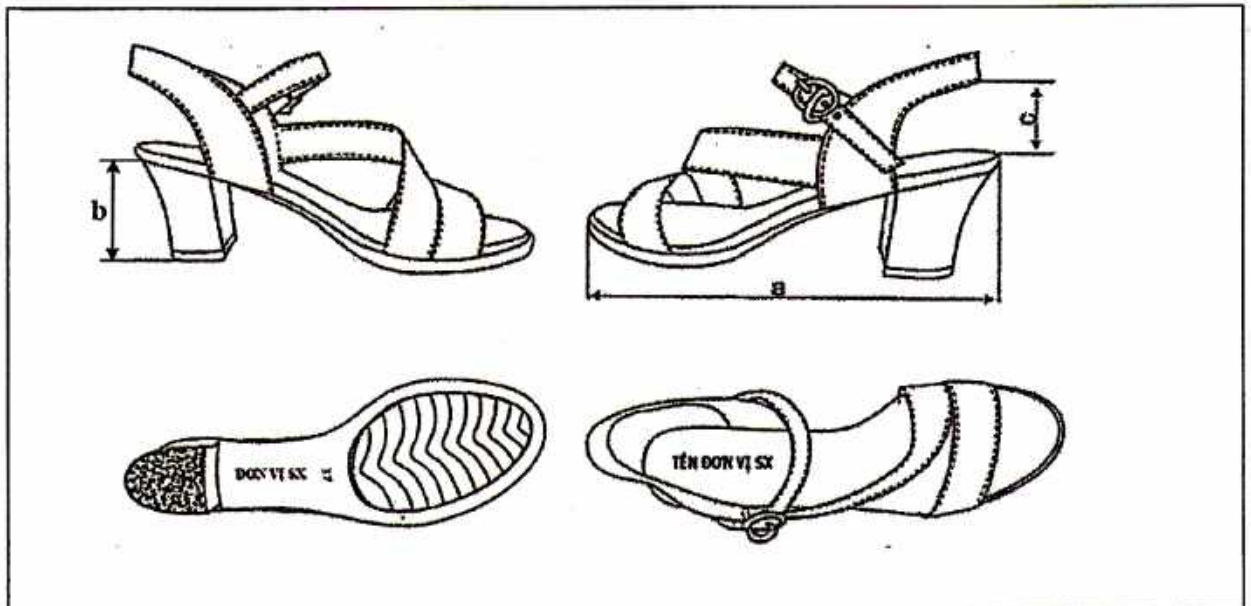
TT	Cỡ số	38	39	40	41	42	43	44	Dung sai $\pm$
	Chỉ danh đo								
	- Dài	216	218	220	222	224	226	228	$\pm 3$
	- Rộng	20	20	20	20	20	20	20	$\pm 1$
7	Mật độ đường may (mũi/cm)	4	4	4	4	4	4	4	$\pm 0,5$
8	Đường may đơn cách mép	1	1	1	1	1	1	1	$\pm 0,5$
9	Đường may tẩy cách mép	5	5	5	5	5	5	5	$\pm 1$
10	Chiều dài để kẻ cả viền điệu (a)	260	265	270	275	280	285	290	$\pm 3$
11	Cao gót đến mép điệu (b)	25	25	25	25	25	25	25	$\pm 2$

## 6. Dép quai hậu nữ

### 6.1. Yêu cầu chung

#### a. Hình dáng

*Bản vẽ mô tả hình dáng, cấu tạo sản phẩm*



#### b. Cấu tạo

- Kiểu quai hở thấp cổ, được làm từ da bò nguyên cật màu đen, nhuộm xuyên, mềm, vân da mịn. Lót trong bằng da heo nguyên cật màu nâu.

*manh*

- Đế rời bằng TPR đúc định hình màu đen; gót bằng nhựa ABS chiều cao gót 7cm màu đen; đế, gót liền theo từng cỡ số. Mặt dưới đế được đúc trực tiếp lô gô, tên đơn vị sản xuất, cỡ số và có hoa văn chống trơn trượt.

c. Kết cấu dép: đế và mũ dép được liên kết với nhau bằng keo dán tổng hợp và đóng đinh chữ U phần gót.

### 6.2. Yêu cầu về nguyên liệu

- Da mũ dép và mặt tẩy (da mặt chính): Da bò thuộc mềm, dẻo loại nguyên mặt cắt vân da mịn tự nhiên, màu đen bóng vừa phải.

- Lót trong làm bằng da heo màu nâu.

**Bảng các chỉ tiêu cơ lý da mũ giày, da lót**

TT	Tên chỉ tiêu	Dvt	Quy định		Phương pháp thử
			Da mũ	Da lót	
1	Độ dày	mm	1,0±1,6	0,7±1,1	TCVN 7118:2007
2	Độ bền kéo đứt	N/mm <sup>2</sup>	≥ 15	≥ 10	TCVN 7121:2014
3	Độ giãn dài khi đứt	%	≤ 70	≤ 70	TCVN 7121:2014
4	Độ bền xé rách	N/mm	≥ 20	≥ 15	TCVN 7122-1:2007

- Đế giày (đế ngoài): Mặt đế bằng TPR đúc định hình màu đen; gót nhựa ABS chiều cao gót 7cm; đế, gót theo từng cỡ số có tên đơn vị sản xuất; mặt đế có hoa văn chống trơn.

**Bảng các chỉ tiêu cơ lý của đế giày**

TT	Tên chỉ tiêu	Dvt	Quy định	Phương pháp thử
1	Độ bền kéo đứt	N/cm <sup>2</sup>	≥ 300	TCVN 4509:2006
2	Độ giãn dài khi đứt	%	≥ 200	TCVN 4509:2006
3	Khối lượng riêng	g/cm <sup>3</sup>	≤ 1,0	TCVN 4504:1988
4	Độ cứng	Shore A	60 ± 5	TCVN 4502:2008
5	Lượng mài mòn	cm <sup>3</sup> /1,61km	≤ 1,8	TCVN 1594:1987

- Đế trung: Bằng 02 lớp giấy cứng chuyên dùng, xung quanh và phía trước mũi được bao, phía trên mũi có lớp EVA 2mm tạo êm.

- Khóa cài: dạng khóa móc thời trang. Chất liệu nhôm hợp kim.

- Đinh 4 chấu bằng thép chuyên dùng, đóng sát vào mặt đế trung ở phần gót và được dán lớp vải chống cộm.

### 6.3. Chỉ tiêu thông số kỹ thuật thành phẩm, hàng hóa

Thông số, kích thước sản phẩm được quy định ở bảng sau:

#### Các thông số cơ bản của giày thành phẩm

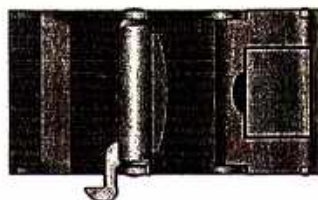
Đơn vị tính: mm

TT	Cỡ số	36	37	38	39	40	41	Dung Sai
	Chỉ danh đo							
1	Bán rộng quai	24	25	26	27	28	29	± 2
2	Cao hậu (c)	45	46	47	48	49	50	± 2
3	Mật độ mũi chỉ/cm	4	4	4	4	4	4	± 0,5
4	Đường may cách mép	1	1	1	1	1	1	± 0,5
5	Chiều dài đế (a)	235	240	245	250	255	260	± 3
6	Cao gót đến mép đế (b)	60	60	62	62	64	64	± 2

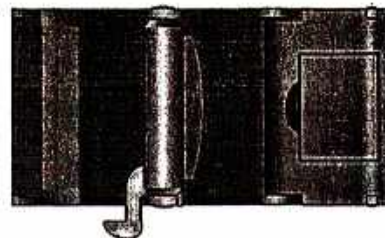
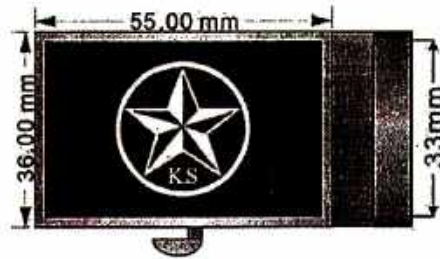
### 7. Thắt lưng nam, nữ

Về hình dáng như bảng vẽ mô tả sau đây

Mẫu đầu khóa nữ



Mẫu đầu khóa nam



Dây lưng gồm hai bộ phận chính: Cốt dây và khóa, đầu khóa thắt lưng của nữ nhỏ hơn của nam.

- Cốt dây được làm bằng hai lớp da màu đen, giữa hai lớp da là lớp tăng cường chuyên dùng, hai bên mép cốt dây lạng mỏng để độ dày mép dây đạt 2,5 mm, liên kết giữa các lớp bởi keo dán tổng hợp và may đường quanh mép, có đai để hãm đầu dây thừa, mép dây

được sơn cạnh cùng màu da; mặt trong cốt dây có in chữ: “VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN”.

- Khoá dây lưng gồm có ba chi tiết chính (Mặt khoá, cụm trước và cụm thân sau): Mặt khoá hình chữ nhật, có in hình ngôi sao ở giữa và chữ KS phía dưới gắn chắc chắn với cụm trước, cụm trước có lẫy khoá tự động; Cụm trước lắp ghép với cụm thân sau chốt thép.

### 7.2. Yêu cầu nguyên vật liệu

- Cốt dây: Các chỉ tiêu cơ lý cốt dây được quy định trong Bảng 2.

**Bảng 2 - Chỉ tiêu cơ lý cốt dây**

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Lực kéo đứt, MPa, không nhỏ hơn	13
2. Độ giãn dài khi đứt, %, không lớn hơn	55

- Chỉ may cốt dây: Chỉ may sợi polyester 30/3, theo màu da;

- Khóa dây: Đầu khoá được đúc áp lực với các hợp kim chất lượng cao đồng-nhôm-kẽm-antimon và có chi tiết (lẫy khoá) bằng nhựa ABS. Các chốt liên kết đều được làm bằng thép không gỉ để đảm bảo độ bền trong suốt quá trình sử dụng. Đầu khoá được hoàn thiện và định hình màu đa lớp: Đồng kiềm – Đồng axit – Nickel – Vàng đồng đảm bảo cho bề mặt lớp mạ được đều, đẹp và tuổi thọ cao.

### 7.3. Chỉ tiêu kỹ thuật

- Kích thước cơ bản của dây lưng:

Các kích thước cơ bản của dây lưng được quy định trong Bảng 3.

**Bảng 3 - Kích thước cơ bản của dây lưng nam, nữ**

Tên chỉ tiêu	Mức	
	Nam	Nữ
<b>I. Cốt dây</b>		
1. Chiều rộng cốt dây, mm	32 ± 1	25 ± 1
2. Chiều dài cốt dây, Không nhỏ hơn, mm	1150	1.100
3. Độ dày cốt dây, mm	3,6 ± 0,3	3,6 ± 0,3
4. Đường may:		
- Khoảng cách mũi chỉ, mũi/cm	3 đến 4	3 đến 4



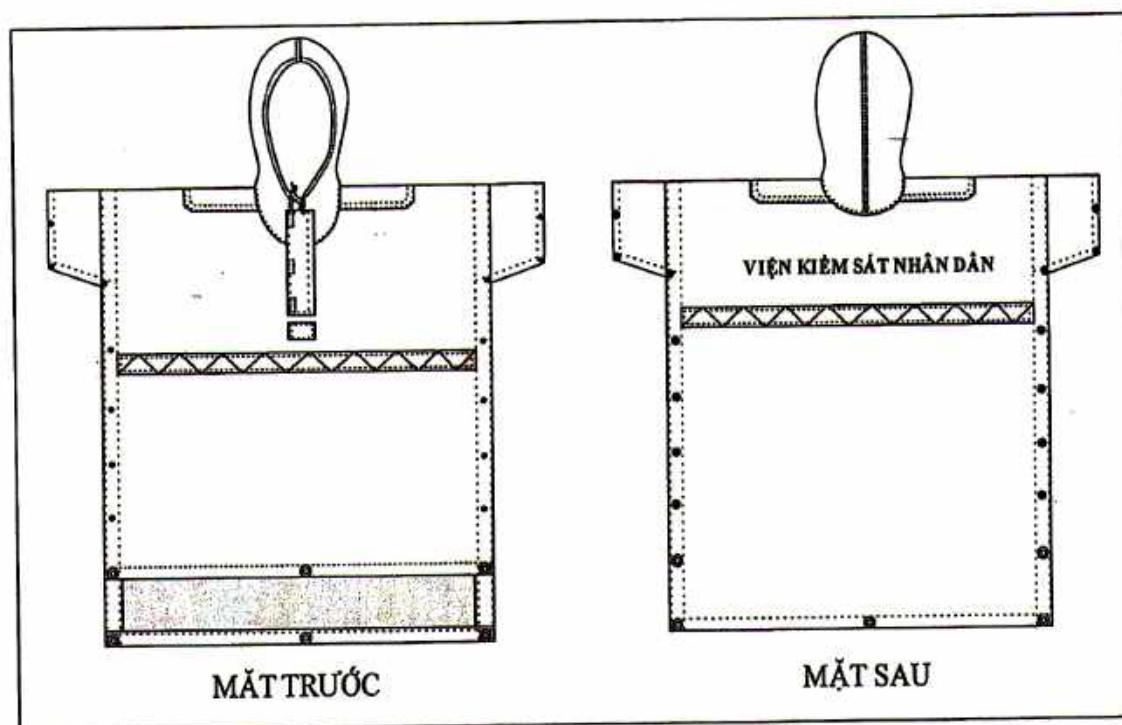
Tên chỉ tiêu	Mức	
	Nam	Nữ
- Cách mép dây, mm	2	2
<b>II. Khóa dây</b>		
1. Mặt khoá: Có chữ KS		
- Kích thước: dài × rộng × dày, mm	(55 × 36 × 17)	(45 × 30 × 17)

## 8. Áo mưa

### 8.1. Yêu cầu chung

#### a. Hình dáng

### HÌNH VẼ MÔ TẢ ÁO MƯA



- Áo đi mưa kiểu miếng liền hình chữ nhật màu tím than, có tay và mũ may liền vào thân, mũ kiểu 2 miếng có dây rút miệng, 2 bên sườn có khuy cài dập bằng đồng.

- Phía trước và sau lưng áo có may phản quang bằng nhựa màu vàng chanh bản rộng 3,5 cm và có in chữ “VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN” ở lưng áo phía sau.

#### b. Kích thước

Áo đi mưa gồm 2 cỡ 04 và 05 phải thỏa mãn các chỉ tiêu kích thước nêu trong bảng sau:

*Handwritten signature*

## BẢNG KÍCH THƯỚC THÀNH PHẨM

Đơn vị tính cm

STT	Tên chi tiết	Kích thước		Dung sai
		Cỡ 4	Cỡ 5	
1	Chiều dài thân trước	105	115	2
2	Chiều dài thân sau	125	135	2
3	Chiều rộng thân	140	140	2
4	Chiều dài tay (từ mép ngoài ra)	17	17	0,5
5	Chiều rộng $\frac{1}{2}$ bắp tay	28,5	28,5	0,5
6	Chiều rộng $\frac{1}{2}$ cườ tay	24	24	0,5
7	Chiều dài xê ngực	29	29	0,5
8	Chiều rộng miếng đấp ngực phía trên cổ	21	21	0,5
9	Chiều dài miếng đấp ngực	29	29	0,5
10	Chiều dài + rộng đấp ngoài ngực (xô bật)	32 + 6	32 + 6	0,5 - 0,2
11	Chiều dài mũ đo từ chân lên phía trước	68	68	1
12	Chiều rộng miệng mũ phía trước	72	72	1
13	Chiều dài $\frac{1}{2}$ chân mũ	35	35	0,5
14	Vị trí cúc đấp thứ nhất từ gấu thân trước lên	17	17	0,3
15	Vị trí cúc đấp thứ nhất từ gấu thân sau lên	37	37	0,3
16	1 chiếc đùng ngã tư gằm nách, khoảng cách còn lại chia đều cho 3 cúc			
17	Cúc đấp cách cườ tay	1	1	
18	Tâm cúc cách nếp	3	3	0,3
19	Ổ dề 4 góc cách nếp và gấu	2 x 1,5	2 x 1,5	0,1
20	Đường sườn áo to	4	4	0,3
21	Đường gấp gấu to	2,5	2,5	0,2
22	Đắp vai dài x rộng (đo từ chân cổ)	20 x 8	20 x 8	0,2
23	Cúc đấp cườ tay (đo từ sống tay)	12	12	0,3
24	Vị trí chặn đấp luôn dây ở thân sau (đo từ chân cổ xuống mép trên của dây)	40	40	2

## 8.2. Yêu cầu nguyên liệu – phụ liệu

- Vải may áo đi mưa bằng vải vinilon màu xanh đen.
- Cúc dập bằng đồng  $\phi$  14mm.
- Ô dê nhôm đường kính trong  $\phi$  8mm có long đèn chân.
- Chỉ may pécô 50/3 cùng màu với nguyên liệu chính .
- Nút nhựa dây mũ.
- Băng dán chống thấm chuyên dùng bản to 2cm.
- Ké dích bản to 3cm.

## 8.3. Yêu cầu về cắt

- Các chi tiết cắt phải đảm bảo canh sọt của nguyên liệu.
- Các chi tiết cắt theo canh sọt dọc vải: thân áo, mũ áo, tay áo, đáp ngực, xo bật, đáp luồn dây.

## 8.4. Yêu cầu về may

- Đường may cách mép 0,1cm: chặn chân xẻ ngực, chặn 2 đầu đáp luồn dây, xung quanh sườn áo (mí trong), vè bụng tay, viền cửa tay, đê chặn mũ, miệng mũ chỗ luồn dây, xung quanh gấu áo, mí ngoài đáp vai.
- Đường may cách mép 0,2cm: xung quanh sườn áo, gấu áo.
- Đường may cách mép 0,7cm: Đường chắp mũ, viền xẻ ngực, đường đê ngoài đáp ngực (xo bật), diều xung quanh đáp vai.
- Các đường may đảm bảo 5 mũi chi/1cm, phải thẳng đều, không sỗ tuột, bỏ mũi, sùi chỉ, đầu và cuối đường may phải lại mũi 5 lần chi dài 1cm, cắt sạch chỉ thừa.

## 8.5. Yêu cầu về dán ép đường may chống thấm

- Các đường tra tay, đáp luồn dây thân trước và thân sau được dán bằng băng dán chuyên dùng bản to 2cm. Băng dán cân giữa đường may, bảo đảm nhiệt độ bám dính tốt, đường dán ép phải phủ kín đường may. Khi ép xong sản phẩm mặt phải không bị nhăn dúm, biến dạng, co rút, mặt ép không bị bong tuột, phồng rộp, chỗ nối đường băng chồng lên nhau 1,5cm.

## 8.6. Yêu cầu về tán khuy cài, ô dê nhôm, ké dích

- Khuy dập, tán xong phải bảo đảm chắc chắn không bị buột, méo, lõm (mặt phải của khuy), đúng vị trí quy định.
- Ô dê tán xong phải bám sát, tròn đều, êm, chặt, không méo, tuột, đúng vị trí quy định.

## 9. Bít tất nam

### 9.1. Yêu cầu chung

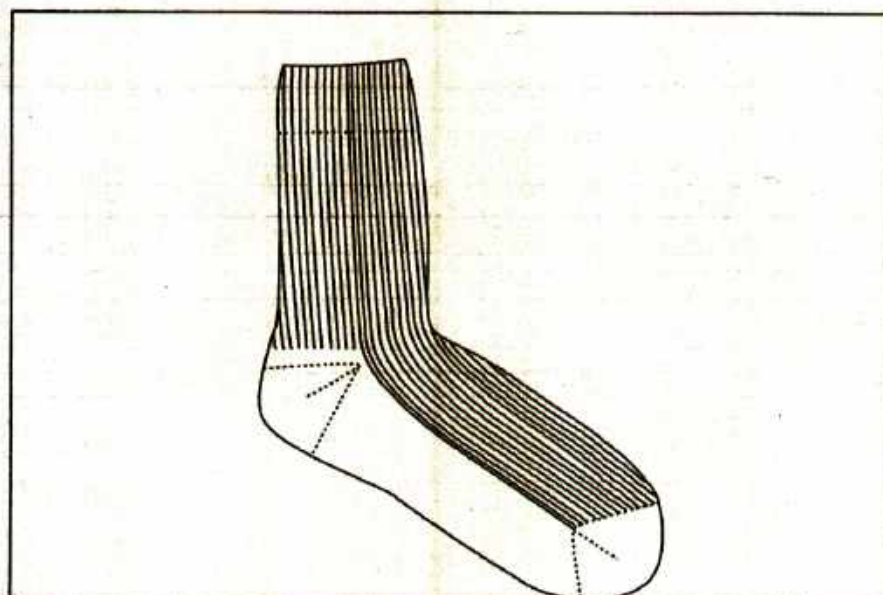
- Phần ống tất dệt kiểu rib có dệt họa tiết hoa văn dọc theo hai bên ống, phần bàn tất dệt trơn có cài điểm họa tiết, phần mu dệt kiểu rib sọc liền với phần ống tất tạo thành các đường gân dọc, tạo độ thẩm mỹ, khỏe, đẹp.

*Handwritten signature*

- Bít tất phải đảm bảo các yêu cầu không có các lỗi ngoại quan hoặc số lỗi ngoại quan trong phạm vi cho phép. Cụ thể, không bị các lỗi như sau:

- + Lỗi về sợi: Sợi không đồng đều, lẫn sợi loại khác;
  - + Lỗi về cấu trúc: sót sợi, thùng lỗ, vết lằn, đường sọc vải, gút sợi;
  - + Lỗi nhuộm: Đốm nhuộm hoặc sọc nhuộm, lệch tông màu, loang màu, các lỗi khác;
  - + Lỗi hoàn tất: Sợi xiên lệch, nếp gấp, nhăn, vết xước, rách;
  - + Lỗi vệ sinh: Vết dầu mỡ, gỉ sắt, vết bẩn, loang, các lỗi khác;
- Màu sắc của bít tất: Màu tím than.

### HÌNH VẼ MÔ TẢ



#### 9.2. YÊU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

- Bít tất được dệt từ sợi: Cotton – Ne 32/1, sợi spandex 30/70 và chun 90. Tỷ lệ pha quy định theo bảng 1:

**Bảng 1 – Thành phần nguyên liệu của Bít tất nam**

Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức
1. Cotton – Ne 32/1	%	$77 \pm 2$
2. Sợi spandex 30/70	%	$20 \pm 2$
3. Chun 90	%	$3 \pm 0,5$

- Phần cổ được dệt theo kiểu rib 1/1, có cài chun 90 để tăng độ co giãn và ôm chân.
- Phần ống chân và phần mu bàn chân được dệt theo kiểu rib 2/1;

- Phần gan bàn chân, phần gót, mũi chân, phần ô ở vị trí mắt cá chân (ô để in, hoặc theo đơn vị sản xuất) được dệt theo kiểu trơn (single);

- Về nguyên liệu: Phần gót mũi dệt bằng sợi Nylon. Các phần còn lại dệt bằng sợi cotton, spandex. Riêng phần cổ có cài thêm chun.

### 9.3. Chỉ tiêu thông số kỹ thuật thành phẩm

- Kích thước cơ bản: Các chỉ tiêu kích thước cơ bản của bít tất quy định theo Bảng 2

**Bảng 2 – Chỉ tiêu Kích thước cơ bản của Bít tất nam**

*Kích thước tính bằng centimet*

Tên chi tiết	Mức		Dung sai ±
	Cỡ 40	Cỡ 42	
1. Chiều dài ống	16	18	1
2. Chiều rộng ống	7	7	0,5
3. Chiều dài bàn	21	23	1
4. Chiều rộng bàn	7	7	0,5
5. Chiều rộng cổ chun	6,5	6,5	0,5
6. Chiều cao cổ chun	3	3	0,3

- Các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của bít tất quy định theo Bảng 4.

**Bảng 4 – Chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản**

Tên chỉ tiêu	DVT	Mức
1. Khối lượng bít tất thành phẩm:		
- Cỡ số 40	Gam/ đôi	38 ± 2
- Cỡ số 42	Gam/ đôi	41 ± 2
2. Độ bền màu với giặt xà phòng trung tính:		
- Phai	Cấp	≥ 3 - 4
- Dây	Cấp	≥ 3 - 4
3. Độ bền màu với ma sát, cấp, không nhỏ hơn:		
- Khô	Cấp	≥ 3 - 4
- Ướt	Cấp	≥ 3 - 4

Tên chỉ tiêu	DVT	Mức
4. Độ bền màu với mồ hôi, cấp, không nhỏ hơn:		
- Phai	Cấp	$\geq 3 - 4$
- Dây	Cấp	$\geq 3 - 4$

## 10. Bít tất nữ

### 10.1. Yêu cầu chung

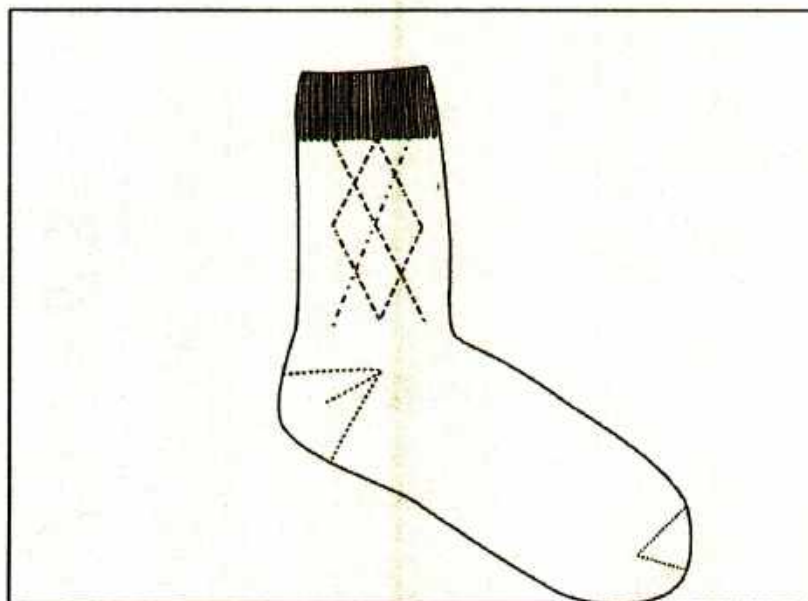
- Là sản phẩm sử dụng vật liệu thân thiện khi sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với cơ thể con người, không tồn dư các hóa chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng; thấm hút mồ hôi tốt.

- Bít tất nữ: phần ống tất có dệt họa tiết hình quả trám dọc theo hai bên ống, phần mu và bàn tất dệt kiểu trơn tạo cảm giác êm mịn và mềm mại.

- Bít tất đảm bảo các yêu cầu không có các lỗi ngoại quan hoặc số lỗi ngoại quan trong phạm vi cho phép. Cụ thể, không bị các lỗi như sau:

- + Lỗi về sợi: Sợi không đồng đều, lẫn sợi loại khác;
- + Lỗi về cấu trúc: sót sợi, thùng lỗ, vết lằn, đường sọc vải, gút sợi;
- + Lỗi nhuộm: Đốm nhuộm hoặc sọc nhuộm, lệch tông màu, loang màu, các lỗi khác;
- + Lỗi hoàn tất: Sợi xiên lệch, nếp gấp, nhăn, vết xước, rách;
- + Lỗi vệ sinh: Vết dầu mỡ, gỉ sắt, vết bẩn, loang, các lỗi khác;
- Màu sắc của bít tất theo màu xanh đen.

### HÌNH VẼ MÔ TẢ



### 10.2. Yêu cầu nguyên vật liệu

- Bít tất được dệt từ sợi: Cotton – Ne 32/1, sợi spandex 30/70 và chun 90. Tỷ lệ pha quy định theo bảng 1:

**Bảng 1 – Thành phần nguyên liệu của Bít tất nữ**

Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức
1. Cotton – Ne 32/1	%	50 ± 2
2. Sợi spandex 30/70	%	45 ± 2
3. Chun 90	%	5 ± 0,5

- Phần cổ bít tất được dệt theo kiểu rib 1/1, có cài chun 90 để tăng độ co giãn và ôm chân.

- Phần ống chân và phần mu bàn chân được dệt theo kiểu rib 2/1.

- Phần gan bàn chân, phần gót, mũi chân, phần ô ở vị trí mắt cá chân (ô để in, hoặc theo đơn vị sản xuất) được dệt theo kiểu trơn (single).

- Về nguyên liệu: Phần gót mũi dệt bằng sợi Nylon. Các phần còn lại dệt bằng sợi cotton, spandex. Riêng phần cổ có cài thêm chun.

### 10.3. Chỉ tiêu thông số kỹ thuật thành phẩm

#### a. Kích thước cơ bản.

Các chỉ tiêu kích thước cơ bản của bít tất quy định theo Bảng 2

**Bảng 2 – Chỉ tiêu Kích thước cơ bản của Bít tất nữ**  
Kích thước tính bằng centimet

Tên chi tiết	Mức Tất nữ	Dung sai ±
1. Chiều dài ống (cả cổ chun)	12	1
2. Chiều rộng ống	8	0,5
3. Chiều dài bàn	18	1
4. Chiều rộng bàn	8	0,5
5. Chiều rộng cổ chun	6,5	0,5
6. Chiều cao cổ chun	2,5	0,3

#### b. Chỉ tiêu kỹ thuật

Các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của Bít tất quy định theo Bảng 3.

*Handwritten signature*

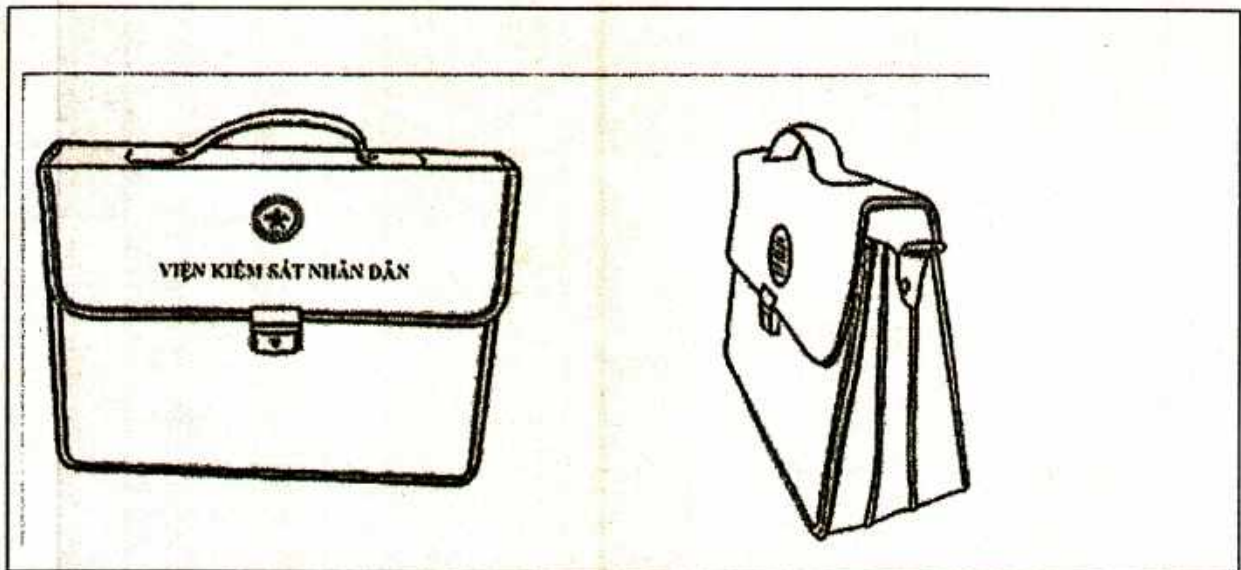
**Bảng 3 – Chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của Bít tất nữ**

Tên chỉ tiêu	DVT	Mức
1. Khối lượng bít tất thành phẩm.	Gam/ đôi	$28 \pm 2$
2. Độ bền màu với giặt xà phòng trung tính		
- Phai	Cấp	$\geq 3 - 4$
- Dây	Cấp	$\geq 3 - 4$
3. Độ bền màu với ma sát, cấp, không nhỏ hơn		
- Khô	Cấp	$\geq 3 - 4$
- Ướt	Cấp	$\geq 3 - 4$
4. Độ bền màu với mồ hôi, cấp, không nhỏ hơn		
- Phai	Cấp	$\geq 3 - 4$
- Dây	Cấp	$\geq 3 - 4$

## 11. Cặp đựng tài liệu

### 11.1. Yêu cầu chung

#### HÌNH VẼ MÔ TẢ



- Cặp được làm bằng chất liệu simili PU, màu đen; thiết kế kết cấu của loại cặp có tay xách và quai đeo vai, gồm 3 ngăn chính bên trong đựng 1 sổ giấy tờ, văn bản, hoặc 1 quyển sổ A4 với độ dày 200 trang, LAPTOP, ngăn kéo khóa ở giữa.



- Dụng thân cặp bằng giấy cứng chuyên dùng; tăng cường chân quai bằng nẹp sắt;
- Trên nắp cặp in chìm chữ “VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN” và lô-gô ngành Kiểm sát nhân dân;
- Quai xách đệm mút xốp; quai đeo vai bằng sợi polyeste dệt, bản rộng 30 mm.

### 11.2. Kích thước cơ bản, chỉ tiêu cơ bản của thành phẩm cặp tài liệu:

**Bảng Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn**

TT	Cấu tạo	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Chất liệu:	Vải giả da Simily cao cấp
2	Độ dày lớp vải:	$0,7 \pm 0,1$ mm
3	Số ngăn:	3 ngăn chính bên trong, ngăn kéo khóa ở giữa.
4	Quai xách:	Vải Simily cao cấp dạng may: quai đeo dây dù dệt 100% ni long có độ chịu lực cao
5	Khóa cặp:	Kiểu dọc làm bằng hợp kim mạ nhũ màu hun khói
6	Trọng lượng:	$1 \text{ kg} \pm 10\%$ ; trọng lượng sử dụng từ 3-5 kg
7	Lô gô:	In chìm lô gô Viện kiểm sát nhân dân và thêm dòng chữ Viện kiểm sát nhân dân ở bên dưới.
8	Kích thước (Chiều ngang, chiều cao, chiều rộng)	$(400 \times 290 \times 140) \text{ mm} \pm 10\%$
9	Màu sắc	Màu đen

*man*